

ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH PHƯỜNG HOÀNG TÂN



NGHĨA TRANG LIỆT SĨ PHƯỜNG HOÀNG TÂN

Địa chỉ: KDC Đại Tân, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Số mộ liệt sĩ được quy tập: 153 mộ

Ý NGHĨA CÔNG TRÌNH: Nghĩa trang liệt sĩ phường Hoàng Tân, nơi tưởng nhớ công ơn của các anh hùng liệt sĩ đã chiến đấu, hi sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công trình có ý nghĩa tri ân sâu sắc, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của đất nước cho các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Tại đây thường tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa như dâng hương tưởng nhớ, thắp nến tri ân, tổ chức chăm sóc, quét dọn, vệ sinh. Các hoạt động được tổ chức thường niên qua đó thể hiện lòng thành kính tri ân đối với những anh hùng liệt sĩ, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ ngày nay, khích lệ thế hệ trẻ ra sức phấn đấu học tập, lao động, xứng đáng với công lao to lớn của các thế hệ cha anh đã ngã xuống vì độc lập tự do của Tổ quốc.



Những năm qua, công tác chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ phường Hoàng Tân như tôn tạo, trùng tu, chăm sóc, chỉnh trang nghĩa trang liệt sĩ được Đảng, Nhà nước, các đơn vị, tổ chức và người dân đặc biệt quan tâm thể hiện niềm tri ân đối với các Anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc.



Khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ phường Hoàng Tân



Các đồng chí lãnh đạo địa phương thắp hương tri ân các anh hùng liệt sĩ



Đoàn viên, thanh niên phường chăm sóc, dọn vệ sinh khuôn viên nghĩa trang liệt sĩ

SƠ ĐỒ NGHĨA TRANG LIỆT SĨ PHƯỜNG HOÀNG TÂN



BIA TƯỢNG NIỆM



BIA TƯỢNG NIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
					73	74	75	76

77	78	79	80	81	82	83	84	85
86	87	88	89	90	91	92	93	94
95	96	97	98	99	100	101	102	103
104	105	106	107	108	109	110	111	112
113	114	115	116	117	118	119	120	121
122	123	124	125	126	127	128	129	130
131	132	133	134	135	136	137	138	139
140	141	142	143	144	145	146	147	148
149	150		151	152	153			



Ghi chú



Liệt sĩ chưa xác định được tên

DANH SÁCH LIỆT SĨ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Ngày nhập ngũ	Ngày hy sinh
1	Hoàng Văn Trạch	1927	Độ Xá	3/1947	21/8/1948
2	Lê Văn Thư	1920	Đại Bộ	2/1944	19/10/1949
3	Nguyễn Văn Liêm	1930	Đại Bộ	13/3/1951	24/7/1951
4	Nguyễn Đức Thùy	1928	Đại Bộ	12/1948	24/2/1954
5	Phùng Văn Lịch	1923	Bến Tắm	5/1947	5/1959
6	Phạm Văn Ngân	1927	Đại Bát	3/1950	11/1953
7	Nguyễn Văn Trạch	1930	Đại Bộ	02/1951	21/1/1953
8	Bùi Thế Luận	1926	Đại Tân	11/1949	21/01/1965
9	Lê Văn Chắc	1941	Đại Bộ	5/1965	30/02/1968
10	Nguyễn Văn Đỉnh	1949	Đại Bát	28/4/1966	17/10/1967
11	Bùi Văn Thời	1949	Đại Bộ	4/1/1966	17/10/1967
12	Trần Văn Chính	1951	Bến Tắm	5/5/1968	8/10/1968
13	Nguyễn Văn Tuất	1946	Bến Tắm	8/4/1965	5/8/1966
14	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
15	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
16	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
17	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
18	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
19	Phùng Văn Hô	1951	Đại Tân	12/1967	01/10/1968
20	Nguyễn Văn Toàng	1949	Đại Bộ	2/1965	11/12/1968
21	Trịnh Đình Tân	1939	Độ Xá	4/1967	1/3/1968
22	Phạm Văn Thành	1949	Bến Tắm	8/1967	26/6/1968
23	Liệt sĩ chưa xác định đ ược tên				
24	Trần Văn Toàng	1930			05/4/1951
25	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
26	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
27	Nguyễn Minh Huệ	1940	Đại Bộ	10/4/1963	19/12/1972
28	Nguyễn Văn Đích	1935	Đại Bát	7/1965	27/7/1967
29	Phạm Văn Đích	1942	Đại Tân	19/4/1965	15/4/1969
30	Đoàn Ngọc Tân	1950	Đại Tân	16/2/1968	19/5/1969
31	Phạm Xuân Yên	1945	Bến Tắm	2/1964	13/5/1969
32	Nguyễn Văn Dối	1942	Đại Bát	9/1965	3/1969
33	Nguyễn Văn Sáng	1944	Đại Tân	24/02/1964	21/9/1969
34	Bùi Thế Tân	1940	Đại Tân	7/1968	28/11/1968

35	Phạm Quang Lư	1950	Đại Bát	12/1967	25/6/1969
36	Hoàng Văn Tân	1955	Bến Tắm	4/1972	27/1/1973
37	Nguyễn Ngọc Nhượng	1949	Đại Bát	02/1967	15/02/1969
38	Nguyễn Văn Lợi	1951	Độ Xá	02/1968	19/5/1969
39	Trần Hữu Sông	1953	Đại Bộ	7/1969	8/11/1970
40	Bùi Văn Bông	1950	Đại Bộ	5/1968	8/10/1970
41	Trần Văn Lệ	1950	Độ Xá	3/1968	1/7/1970
42	Phạm Bá Thành	1931	Đại Bát	2/1960	24/10/1967
43	Phùng Văn Khang	1942	Đại Tân	1966	7/6/1972
44	Ngô Xuân Dư	1948	Độ Xá	5/1968	22/5/1970
45	Nguyễn Mạnh Sóng	1949	Đồng Tân	6/1968	12/2/1971
46	Trần Hào Quang	1952	Độ Xá	4/1970	15/4/1972
47	Nguyễn Văn Ấm	1950	Đại Bát	7/1967	10/02/1972
48	Nguyễn Ngọc Bảo	1952	Bến Tắm	9/1971	6/3/1972
49	Trần Công Thành	1950	Độ Xá	12/1967	23/10/1972
50	Nguyễn Văn Xa	1952	Đại Tân	7/1969	3/7/1972
51	Nguyễn Văn Vọng	1950	Độ Xá	7/1968	28/9/1972
52	Đoàn Ngọc Tân	1950	Đại Tân	16/2/1968	19/5/1969
53	Nguyễn Trọng Khuyến	1942	Độ Xá	2/1964	17/4/1972
54	Hoàng Văn Hòa	1953	Độ Xá	8/1971	21/8/1972
55	Trần Đức Ân	1952	Độ Xá	8/1969	01/11/1972
56	Nguyễn Văn Quang	1955	Đại Bộ	12/1972	01/11/1974
57	Nguyễn Văn Thơ	1949	Đại Bát	4/1966	04/6/1972
58	Nguyễn Trung Dũng	1952	Độ Xá	4/1970	27/2/1975
59	Nguyễn Văn Luyện	1949	Đại Tân	1/1972	17/8/1972
60	Đoàn Văn Ngân	1942	Bến Tắm	04/1968	21/8/1970
61	Vũ Đình Lễ	1948	Độ Xá	14/7/1965	8/10/1972
62	Hoàng Văn Quyết	1953	Độ Xá	8/1971	21/8/1972
63	Nguyễn Thiện Thắng	1949	Đồng Tân	8/1967	1/3/1972
64	Nguyễn Xuân Thôn	1954	Bến Tắm	12/1972	1/11/1974
65	Dương Văn Toàn	1955	Độ Xá	12/1972	8/10/1974
66	Tạ Văn Phát	1955	Độ Xá	12/1972	20/6/1974
67	Nguyễn Đình Trịnh	1954	Đại Bát	8/1970	21/5/1974
68	Nguyễn Văn Mai	1953	Đại Bộ	8/1971	12/2/1975
69	Phạm Văn Diễm	1955	Độ Xá	12/1972	1/3/1975
70	Nguyễn Văn Tôn	1955	Đại Bộ	9/1972	12/4/1974
71	Vũ Văn Mật	1954	Đại Bát	12/1971	25/3/1975
72	Vũ Văn Thúy	1963	Đại Bát	4/1981	21/01/1983
73	Cao Văn Huân	1957	Đại Bát	6/ 1977	26/2/2004
74	Lê Văn Hồng	1926	Đại Tân	02/1951	24/11/1952
75	Nguyễn Văn Tạc	1941	Đại Tân	4/1967	6/6/1969
76	Nguyễn Văn Tâm	1948	Đại Bộ	5/1967	20/01/1972

77	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
78	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
79	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
80	Nguyễn Văn Núc				
81	Hoàng Văn Điền	1939	Độ Xá	4/1965	21/3/1966
82	Trần Văn Nhĩ	1942	Độ Xá	02/1961	15/8/1966
83	Trịnh Đình Lạc	1938	Độ Xá	4/1966	17/2/1967
84	Hoàng Văn Minh	1930	Đại Bát	5/1958	5/1967
85	Mạc Đức Hoạt	1939	Độ Xá	9/1965	23/11/1967
86	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
87	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
88	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
89	Nguyễn Hồng Đảm	1945	Độ Xá	8/1965	16/6/1968
90	Nguyễn Văn Gọt	1938	Độ Xá	02/1965	7/7/1968
91	Phùng Văn Nguyên	1943	Đại Tân	11/1966	22/01/1968
92	Phạm Văn Ca	1942	Đại Tân	02/1954	9/5/1968
93	Trịnh Đình Quảng	1945	Độ Xá	7/1967	22/12/1968
94	Vũ Đình Giang	1947	Độ Xá	06/1965	3/2/1968
95	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
96	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
97	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
98	Liệt sĩ chưa xác định được tên				
99	Nguyễn Văn Thuận	1940	Độ Xá	7/1967	8/1/1968
100	Nguyễn Văn Lạc	1948	Độ Xá	4/1966	28/2/1968
101	Nguyễn Văn Thanh	1930	Đại Tân	02/1964	20/4/1968
102	Nguyễn Đa Mẽ	1949	Bến Tắm	7/1967	12/12/1968
103	Tạ Văn Sản	1949	Đại Bộ	3/1967	1/1/1968
104	Đặng Văn Hới	1935	Độ Xá	02/1964	11/5/1969
105	Trịnh Đình Thiệp	1940	Đại Tân	7/1967	24/8/1969
106	Bùi Văn Thanh	1943		3/1967	01/3/1969
107	Hoàng Văn Phúc	1948	Độ Xá	4/1966	01/01/1969
108	Trịnh Đình Hồng	1949	Đại Tân	8/1968	10/09/1969
109	Nguyễn Văn Hồng	1958	Đại Bộ	4/1974	10/5/1976
110	Nguyễn Đức Vinh	1946	Đại Bộ	4/1966	2/9/1969
111	Bùi Văn Thanh	1951	Đại Bộ	3/1967	1/3/1969
112	Hoàng Văn Bằng	1949	Độ Xá	1/1967	12/8/1969
113	Đặng Đức Nghi	1950	Độ Xá	4/1970	24/6/1971
114	Vũ Văn Lại	1950	Đại Bát	7/1967	14/02/1971
115	Phùng Văn Nở	1954	Đại Tân	01/1971	25/12/1974
116	Trịnh Đức Kỷ	1948	Bến Tắm	2/1968	08/01/1971
117	Hoàng Bá Trung	1950	Đại Bộ	6/1968	20/3/1971
118	Nguyễn Văn Lục	1947	Đại Bộ	4/1969	19/8/1971

119	Vũ Văn Tiến	1955	Đại Bát	01/1971	02/11/1972
120	Trần Minh Sơn	1940	Đại Tân	2/1959	5/10/1972
121	Hoàng Bá Dẫn	1949	Đại Tân	2/1968	5/4/1972
122	Lương Quang Ân	1952	Đồng Tân	12/1970	18/4/1972
123	Nguyễn Văn Tộ	1949	Đại Bộ	7/1966	10/9/1972
124	Đoàn Văn Quý	1953	Đại Bộ	12/1971	24/6/1972
125	Lê Xuân Thịnh	1952		05/1970	20/9/1972
126	Dương Văn Quả	1952	Đại Bộ	8/1969	10/2/1972
127	Nguyễn Hồng Dụ	1944	Đại Bát	6/1968	3/8/1972
128	Bùi Văn Hải	1952	Đại Bộ	4/1970	4/4/1972
129	Nguyễn Trọng Quỳnh	1952	Đại Bộ	31/11/1970	20/5/1972
130	Nguyễn Văn Hạnh	1954	Đại Bộ	12/1971	19/6/1972
131	Nguyễn Văn Đào	1954	Độ Xá	19/08/1971	21/7/1972
132	Nguyễn Văn Đọc	1952	Độ Xá	7/1969	30/5/1970
133	Đoàn Ngọc Hùng	1952	Đại Tân	04/1970	20/11/1972
134	Phạm Văn Ngọc	1948	Độ Xá	01/1967	2/2/1973
135	Phùng Văn Kháng	1949	Đại Tân	11/1969	16/3/1970
136	Vũ Thị Nhiên	1956	Độ Xá	8/1973	11/12/1973
137	Bùi Văn Khắc	1947	Đại Bộ	8/1971	11/4/1973
138	Đồng Văn Mười	1952	Đại Bộ	12/1972	11/12/1974
139	Phạm Văn Tiêm	1948	Độ Xá	4/1967	30/6/1971
140	Nguyễn Văn Lập	1953	Độ Xá	12/1971	8/1974
141	Trịnh Đức Tường	1951	Độ Xá	8/1968	4/3/1975
142	Nguyễn Văn Tân	1958	Độ Xá	6/1977	31/12/1977
143	Nguyễn Tất Thắng	1959	Độ Xá	06/1977	1/3/1978
144	Nguyễn Tiến Linh	1958	Đại Bát	6/1977	15/5/1978
145	Lê Văn Hồng	1958	Đại Bát	6/1976	24/09/1978
146	Trần Đức Dân	1958	Bến Tắm	11/1978	11/1/1982
147	Nguyễn Văn Dậu	1957	Đồng Tân	6/1977	11/10/1978
148	Mẫn Văn Sơn	1958	Đồng Tân	3/1977	23/3/1978
149	Nguyễn Ngọc Thiêng	1954	Đại Tân	2/1972	10/2/1986
150	Lưu Thanh Điều	1955	Đại Tân	11/10/1974	04/03/1979
151	Trịnh Đình Huyền	1922	Bến Tắm		28/2/1948
152	Đoàn Văn Ngự	1931	Đại Bộ	8/1950	15/4/1952
153	Hang Hữu Bình				



THÀNH ĐOÀN CHÍ LINH
ĐOÀN THANH NIÊN PHƯỜNG HOÀNG TÂN

CÔNG TRÌNH THANH NIÊN

SỐ HÓA DỮ LIỆU NGHĨA TRANG LIỆT SĨ PHƯỜNG HOÀNG TÂN
BẰNG MÃ QR CODE

Kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ Việt Nam
(27/7/1947 - 27/7/2023)



THÀNH ĐOÀN CHÍ LINH
ĐOÀN THANH NIÊN PHƯỜNG HOÀNG TÂN

CÔNG TRÌNH THANH NIÊN

SỐ HÓA DỮ LIỆU NGHĨA TRANG LIỆT SĨ PHƯỜNG HOÀNG TÂN
BẰNG MÃ QR CODE

Kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ Việt Nam
(27/7/1947 - 27/7/2023)